TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Hòa.

+ Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơ*n: Ông Nguyễn T - sinh ngày 12/10/1965; Số căn cước: 052065019647; quê quán: Xã N, tỉnh G L; nơi thường trú: Thôn H, xã N, tỉnh G L.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P - sinh ngày 30/5/1959; Số căn cước: 052159000612; quê quán: Xã N, tỉnh G L; nơi thường trú: Thôn H, xã N, tỉnh G L.

(Ông T, bà P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông với bà Phạm Thị P tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng vào tháng 10/1990 (ngày cưới ông không còn nhớ) và về sống chung với nhau như vợ chồng, có con chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi ông với bà Phong sống chung cuộc sống lúc đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 ông với bà P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông với bà P bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay ông với bà P phần ai người nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Ông nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà P là vợ chồng.

Ông với bà Phạm Thị P có 03 người con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 10/3/1993, Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 12/12/1994 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 16/9/2000. Hiện nay sức khỏe của các cháu phát triển bình thường, các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Phạm Thị P vắng mặt nhưng theo lời khai của bà P vào ngày 06/10/2025 bà P trình bày:

Bà với ông Nguyễn T tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng vào tháng 10/1990 (ngày cưới bà không còn nhớ) và sống chung với nhau như vợ chồng, có con chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên bà với ông T không còn sống chung với nhau nữa. Bà thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng nên bà đồng ý ly hôn ông T.

Bà với ông Nguyễn T có 03 người con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 10/3/1993, Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 12/12/1994 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 16/9/2000. Hiện nay sức khỏe của các cháu phát triển bình thường, các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn T với bà Phạm Thị P; các người con của ông T, bà P đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không giải việc nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà Phạm Thị P là vợ chồng. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn ông Nguyễn T và bị đơn bà Phạm Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Nguyễn T với bà Phạm Thị P đều thừa nhận ông, bà tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng vào tháng 10/1990 (ngày cưới các đương sự không còn nhớ) và về sống chung với nhau như vợ chồng, có con chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông T, bà P phù hợp với kết quả trả cung cấp thông tin liên quan đến đăng ký kết hôn UBND xã N, tỉnh G L tại Công văn số 108/UBND-VP ngày 15/8/2025.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù ông Nguyễn T và Phạm Thị P tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1990 đến nay. Tuy nhiên, từ khi chung sống như vợ chồng đến nay, ông T, bà P không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP

ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn T và bà Phạm Thị P.

[2.2] Về con chung:

Ông Nguyễn T với bà Phạm Thị P có 03 người con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 10/3/1993, Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 12/12/1994 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 16/9/2000. Hiện nay sức khỏe của các cháu phát triển bình thường, các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Tại thời điểm xét xử ông Nguyễn T đã đủ 60 tuổi. Xét đơn xin miễn tiền án phí của ông T ngày 22/10/2025 và căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho ông T. Do đó, hoàn trả lại cho ông Nguyễn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002506 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh G L.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc yêu cầu không công nhận ông với bà Phạm Thị P là vợ chồng.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn T với bà Phạm Thị P.

- Về con chung: Ông Nguyễn T với bà Phạm Thị P có 03 người con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 10/3/1993, Nguyễn Quốc T, sinh ngày: 12/12/1994 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 16/9/2000. Hiện nay sức khỏe của các cháu phát triển bình thường, các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn T phải chịu nhưng ông T là người cao tuổi nên miễn tiền án phí cho ông T. Do đó, hoàn trả lại cho ông Nguyễn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002506 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh G L.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND Khu vực 3 – Gia Lai;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;*
- *UBND xã Ngô Mây, tỉnh Gia Lai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh